TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 452/2019/DSST
Ngày: 31-7-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan, Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà*:** Bà Trần Thị Hồng – kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên N
Trụ sở: Tòa nhà X, số 9 đường Y, phường Z, Quận N, Thành phố M.
Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị T
Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 855/UQTA-VH.19 ngày 15/4/2019)

Bị đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1970
Địa chỉ: 71/10/7 đường X, tổ 21, khu phố Y, phường Z, quận N, Thành phố M.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 26/7/2016, ông Nguyễn Phú C có ký hợp đồng tín dụng số 20160729-500000-0473 với Công ty tài chính TNHH MTV N để vay số tiền 21.100.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông C có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.893.000 đồng (gồm gốc và lãi), trả trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.530.000 đồng, tháng cuối trả 1.703.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 01/9/2016.

Ông C đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV N 03 lần với tổng số tiền là 4.590.000 đồng. Kể từ ngày 19/12/2016 đến nay ông C không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào dù Công ty tài chính TNHH MTV N đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phú C phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu là 32.303.000 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 19.679.550 đồng và tiền lãi là 12.623.450 đồng).

** Trong bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 14/6/2019 và ngày 15/7/2019, bị đơn trình bày:* Ông C xác nhận ông có nợ số tiền đúng như phía đại diện Công ty tài chính TNHH MTV N đã trình bày. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông đề nghị được ngân hàng giảm hết lãi, số tiền nợ ông xin được trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tống đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án**,** Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng số 20160729-500000-0473 ngày 26/7/2016 để cho bị đơn vay số tiền 21.100.000 đồng, mục đích để tiêu dùng cá nhân. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng này nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án được đưa ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20160729-500000-0473 ngày 26/7/2016 và lời khai của hai bên đương sự có đủ cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 21.100.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.893.000 đồng (gồm gốc và lãi), trả trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu mỗi tháng trả 1.530.000 đồng, tháng cuối trả 1.703.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu thanh toán từ ngày 01/9/2016. Bị đơn đã nhận đủ số tiền và chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn 03 lần với tổng số tiền là 4.590.000 đồng (bao gồm gốc và lãi). Tại bản tự khai và biên biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 32.303.000 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 19.679.550 đồng và tiền lãi là 12.623.450 đồng), từ cuối năm 2017 đến nay bị đơn không trả thêm được bất cứ khoản tiền nào dù phía nguyên đơn đã nhiều lần thông báo nhắc nhở trả nợ.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 278, Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tiền lãi phát sinh sau khi án có hiệu lực pháp luật (nếu bị đơn chậm thi hành án): Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật

dân sự năm 2015. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 32.303.000 đồng là 1.615.150 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 807.575 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0013365 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

[4] Về quyền kháng cáo:

Công ty Tài chính TNHH MTV N và ông Nguyễn Phú C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 278; Điều 280, Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Phú C trả cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên N số tiền nợ còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số 20160729-500000-0473 ngày 26/7/2016 là 32.303.000 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 19.679.550 đồng và tiền lãi là 12.623.450 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.615.150 đồng (một triệu sáu trăm mười năm nghìn một trăm năm mươi đồng).

Công ty TNHH MTV Tài chính N không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 807.575 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0013365 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên N và ông Nguyễn Phú C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, ngườiphải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND Quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hoài Thu